



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 21 (22/05-26/05/23)

Nếu SBV tiếp tục hạ lãi suất điều hành...?

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Theo dõi diễn biến thị trường trong kỳ họp Quốc hội*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Nếu SBV tiếp tục hạ lãi suất điều hành...?*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV bơm ròng*
4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index tích lũy trên các đường SMA, biên độ giao động lớn dần*
5. TIN VĨ MÔ: *Quan điểm của các quan chức Fed xen lẫn giữa điều hâu và bồ câu*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Viễn thông 3.70%*
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Theo dõi diễn biến thị trường trong kỳ họp Quốc hội

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1067.07	0.02%
GTGD/phiên (tỷ VND)	11,004.22	12.61%
Khối ngoại (tỷ VND)	784.23	
HNX-INDEX	213.91	-0.55%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1507.39	2.74%
Khối ngoại (tỷ VND)	46.72	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4198.05	0.94%	1.63%	1.65%
EU (EURO STOXX)	4395.68	0.65%	1.80%	-0.29%
China (SHCOMP)	3283.54	-0.42%	0.34%	-3.24%
Japan (NIKKEI)	30808.35	0.77%	4.83%	7.50%
Korea (KOSPI)	2537.79	0.89%	2.52%	-1.45%
Singapore (STI)	3202.59	0.63%	-0.19%	-3.34%
Thailand (SET)	1514.89	-0.77%	-2.98%	-4.95%
Phillipines (PCOMP)	6664.55	0.54%	1.31%	3.38%
Malaysia (KLCI)	1428.54	0.04%	0.39%	-0.44%
Indonesia (JCI)	6700.56	0.56%	-0.82%	-1.45%
Vietnam (VNIndex)	1067.07	-0.12%	0.02%	1.14%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2312	1056.80	-1.13%	17,577	29,928
VN30F2305	1074.80	0.56%	1,163	16,851
VN30F2306	1062.50	-0.59%	14	275
VN30F2309	1058.00	-1.01%	6	110

TTCK VIỆT NAM

Áp lực chốt lãi, VN-Index lùi giữa vùng tích lũy

VN-Index có mức tăng 0.02% trước áp lực chốt lãi ở vùng giá cao. Thị trường đi ngang và có 53% cổ phiếu và 11/19 ngành tăng điểm. Ngành dầu khí và ngành điện tăng tốt nhờ giá dầu phục hồi và quy hoạch điện VIII được phê duyệt. Hóa chất và tài nguyên cơ bản giảm trên 2% với KQKD kém tích cực và chi phí đầu vào tăng cao. Hoạt động chốt lãi cũng đã diễn ra ở các cổ phiếu tăng nóng nhưng hoạt động luân chuyển nhanh của dòng tiền vẫn được duy trì. Áp lực chốt lãi mạnh vùng giá cao đã cản trở đà tăng VN-Index như dự báo tuần trước. Lực cầu bắt đáy ở vùng giá thấp dù vậy vẫn khá tốt. Sau khi chốt lãi từng phần ở nhịp tăng giá, NĐT tiếp tục theo dõi phản ứng thị trường trước thông tin tích cực trong kỳ họp Quốc hội trước khi mở lại vị thế.

Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV diễn ra từ 22/5 - 23/6 và chia thành 2 đợt. Quốc hội sẽ thông qua 8 dự án Luật và cho ý kiến 8 dự án luật trong đó có nhiều luật thu hút sự quan tâm gồm Luật sửa đổi đất đai, luật kinh doanh BĐS, luật nhà ở và luật các tổ chức tín dụng. Kỳ họp cũng xem xét các vấn đề kinh tế xã hội và ngân sách 2022 và thực hiện kế hoạch 2023 cũng như thông qua đề xuất giảm thuế VAT và công tác nhân sự. Kỳ họp Quốc hội diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế gặp khó khăn do nhu cầu thế giới suy giảm kéo theo nhiều ngành nghề bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Các giải pháp hỗ trợ đã được Chính phủ đề xuất và sẽ được Quốc hội thông qua hỗ trợ lĩnh vực sản xuất, tiêu dùng qua đó duy trì động lực tăng trưởng và an sinh xã hội.

TTCK THẾ GIỚI

Thông tin trần nợ Hoa Kỳ đang chi phối diễn biến thị trường

Chủ tịch hạ viện nhân định tích cực về khả năng đạt thỏa thuận nâng trần nợ công Hoa Kỳ vào cuối tuần tới đã giúp thị trường có những phiên tăng điểm tốt. Chỉ số S&P 500 và Nasdaq tăng lần lượt 2% và 4% trong tuần, đưa các chỉ số lên mức cao nhất kể từ tháng 8/2022. Thị trường Châu Âu tiếp tục tăng 0.7% của EU600 và các thị trường chủ chốt Pháp và Đức tăng từ 1-2%. Diễn biến TTCK Châu Á lại khá phân hóa trong khi TTCK Nhật tăng mạnh 4.8% thì các chỉ số khác phân hóa và tăng giảm nhẹ. TT hàng hóa cũng ghi nhận mức tăng 1.5%, trong đó dẫn đầu từ giá dầu, gas tự nhiên và quặng sắt. Giá vàng lại giảm trên 2% khi DXY tiếp tăng thêm 0.6% (tăng 1.5% kể từ đầu tháng 5). Trong tuần tới ngoài biên bản FOMC, NĐT sẽ tiếp tục theo dõi cuộc họp nợ công tại hạ viện Mỹ.

Dữ liệu kinh tế Trung Quốc tháng 4 công bố yếu hơn dự báo và cần thêm các chính sách để duy trì đà hồi phục kinh tế. Chỉ số sản lượng công nghiệp, doanh số bán lẻ và đầu tư tài sản cố định tăng lần lượt ở mức 5.6%, 18.4% và 4.7%. Số liệu này kém xa so với mức dự báo và cũng khá thất vọng so với mức nền thấp của năm 2022. Tỷ lệ thất nghiệp tại thành thị giảm còn 5.2% tuy nhiên mối lo ngại ở tỷ lệ thất nghiệp giới trẻ tăng lên mức kỷ lục 20.4%. Các chỉ tiêu đầu quý II này xác nhận đà hồi phục có dấu hiệu chững lại trong bối cảnh thị trường bất động sản yếu, kinh tế gần mức giảm phát và người tiêu dùng thận trọng. Trung Quốc cần thêm các chính sách kích thích để duy trì đà hồi phục. Chính sách tiền tệ không đủ nâng đỡ niềm tin người tiêu dùng và doanh nghiệp mà cần thêm các chính sách công nghiệp và tài khóa trong thời gian tới.

Chú thích: * tỷ VNĐ

^ hợp đồng

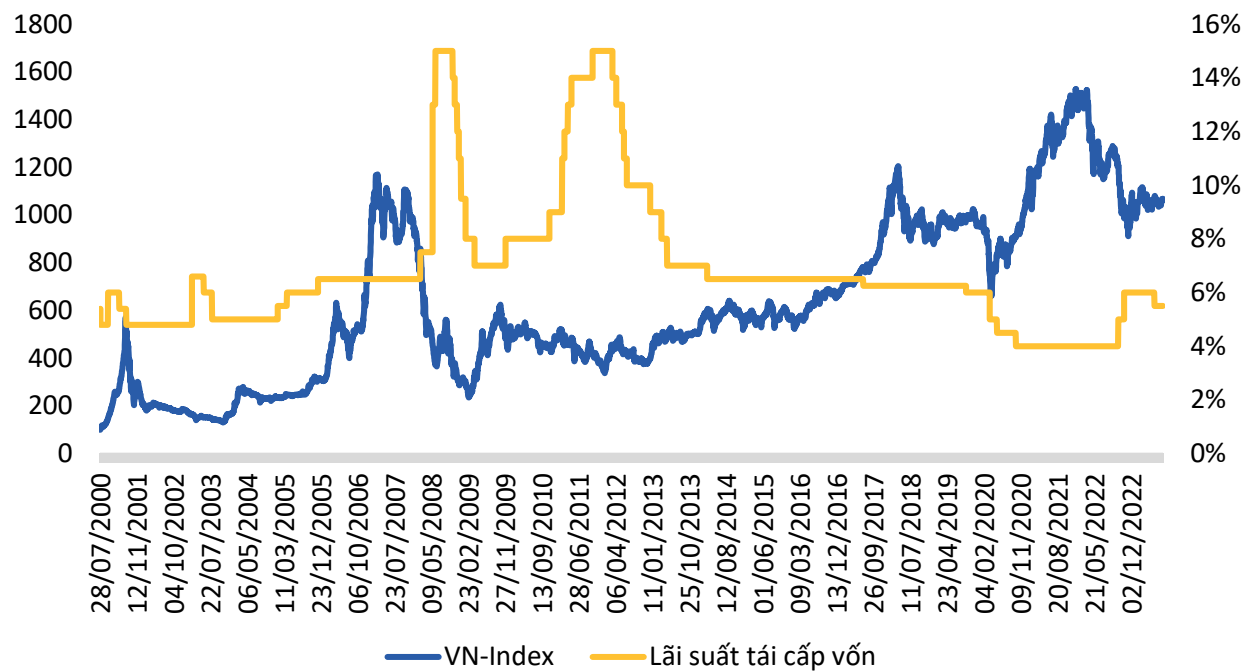
CHUYÊN MỤC TUẦN: Nếu SBV tiếp tục hạ lãi suất điều hành...?

Kể từ năm 2000 đến nay, SBV đã có 29 lần hạ lãi suất điều hành (LSDH).

1. Phản ứng của thị trường chứng khoán đối với các lần SBV hạ lãi suất điều hành

LSDH và VN-Index thường có xu hướng ngược nhau. Khi SBV hạ LSDH, TTCK Việt Nam thường có xu hướng đi lên sau đó và ngược lại.

Đồ thị 01: Diễn biến LSDH và VN-Index



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Bảng 01: Phản ứng của VN-Index khi SBV công bố hạ LSDH

Ngày	-1D	t	1D	1W	1M	3M	6M
7/31/2000	-1.53%	0%	1.80%	5.29%	15.21%	34.47%	124.86%
3/29/2001	0.00%	0%	1.74%	7.55%	21.30%	109.13%	7.55%
6/29/2001	6.33%	0%	-1.82%	0.53%	-10.98%	-45.62%	-47.42%
5/29/2003	0.28%	0%	-0.05%	-0.41%	-0.29%	-6.47%	-1.79%
5/30/2003	0.05%	0%	-0.38%	-0.28%	-0.16%	-6.66%	2.29%
7/30/2003	0.51%	0%	-0.65%	-3.13%	-3.12%	-9.88%	19.75%
10/20/2008	3.16%	0%	2.46%	-11.20%	-6.94%	-15.81%	-16.32%
11/3/2008	-0.46%	0%	3.67%	4.98%	-9.73%	-13.03%	-8.53%
11/20/2008	3.42%	0%	-2.08%	-6.82%	-6.20%	-15.24%	11.70%
12/3/2008	0.40%	0%	0.78%	-6.33%	3.07%	-20.21%	34.01%
12/19/2008	-0.55%	0%	0.91%	-0.91%	-0.37%	-18.17%	55.80%
1/23/2009	-0.69%	0%	-1.88%	-7.12%	-18.95%	10.20%	44.73%
4/10/2009	-4.10%	0%	4.60%	2.80%	12.67%	33.96%	79.31%
3/12/2012	0.96%	0%	0.32%	2.35%	5.31%	-2.66%	-9.77%
4/10/2012	-0.03%	0%	1.75%	4.88%	8.26%	-8.38%	-13.10%
5/25/2012	-2.39%	0%	-0.43%	-1.96%	-2.33%	-0.90%	-11.58%
6/8/2012	0.35%	0%	-0.09%	0.04%	-4.03%	-8.52%	-11.82%
6/29/2012	-1.00%	0%	-0.73%	-1.64%	-2.18%	-6.37%	-7.14%
12/21/2012	0.73%	0%	0.74%	4.27%	14.46%	21.31%	33.06%
3/25/2013	-0.73%	0%	-0.83%	2.48%	-5.09%	1.00%	-4.74%
5/10/2013	0.02%	0%	0.58%	0.31%	8.61%	1.76%	3.01%
3/17/2014	-0.59%	0%	-0.08%	1.20%	-0.71%	-5.79%	6.04%
7/7/2017	0.89%	0%	-1.18%	0.24%	1.67%	3.70%	22.76%
9/12/2019	-0.69%	0%	1.14%	2.15%	1.16%	-1.31%	-7.95%
3/16/2020	1.86%	0%	-0.28%	-10.87%	2.40%	20.33%	17.89%
5/12/2020	-0.84%	0%	-0.13%	1.27%	7.67%	-0.93%	13.31%
9/30/2020	-0.14%	0%	0.98%	1.60%	1.75%	19.19%	31.03%
3/14/2023	1.22%	0%	2.12%	-0.74%	2.82%		
3/31/2023	-0.49%	0%	1.38%	0.48%	-1.46%		
Trung bình	0.21%	0%	0.49%	-0.31%	1.17%	2.56%	13.59%

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Nếu SBV tiếp tục hạ lãi suất điều hành...?

Bảng 02: Diễn biến các ngành trong lần hạ lãi suất tái cấp vốn 0.5% ngày 31/03/2023

	t-1	t	1D	1W	1M
	30/03/2023	31/03/2023	03/04/2023	07/04/2023	28/04/2023
Y tế	0.10%	0%	0.06%	-0.02%	6.93%
Dầu khí	-0.54%	0%	2.65%	2.43%	1.43%
Bán lẻ	-0.21%	0%	0.82%	1.12%	2.68%
Bảo hiểm	-1.08%	0%	0.18%	-1.48%	-4.41%
Bất động sản	-1.94%	0%	2.90%	0.67%	-0.38%
Du lịch và giải trí	0.85%	0%	-1.10%	-0.25%	-5.14%
Truyền thông	-0.60%	0%	-0.48%	7.55%	8.20%
Xây dựng và Vật liệu	-0.32%	0%	1.59%	3.24%	5.48%
Viễn thông	-3.45%	0%	1.65%	0.43%	0.92%
Thực phẩm và đồ uống	0.47%	0%	-0.30%	-0.05%	-2.85%
Tài nguyên cơ bản	0.33%	0%	0.76%	1.15%	5.18%
Ngân hàng	-0.18%	0%	1.38%	0.16%	-1.34%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.16%	0%	0.22%	-0.06%	-1.36%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.16%	0%	0.06%	0.36%	3.41%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.51%	0%	-0.12%	0.29%	-2.63%
Dịch vụ tài chính	-1.88%	0%	2.28%	4.61%	3.68%
Công nghệ Thông tin	-0.11%	0%	2.16%	1.91%	-1.48%
Hóa chất	-1.98%	0%	1.95%	2.82%	2.56%
Ô tô và phụ tùng	0.09%	0%	0.98%	1.84%	0.14%
Trung bình	-0.58%	0.00%	0.93%	1.41%	1.11%

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Xét về các ngành, BSC lấy diễn biến 3 lần SBV công bố hạ lãi suất điều hành gần đây nhất, là ngày 30/09/2020, 14/03/2023 và 31/03/2023, trong đó ngày 31/03/2023 SBV công bố hạ lãi suất tái cấp vốn 0.5%, ngày 14/03/2023 SBV công bố hạ lãi suất tái chiết khấu 1%, ngày 30/09/2023 SBV đồng loạt hạ cả lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn 0.5%.

Nhìn chung, các ngành đều có phản ứng tích cực trong ngắn hạn và trung hạn đối với tin tức này.

Bảng 03: Diễn biến các ngành trong lần hạ lãi suất tái chiết khấu 1% ngày 14/03/2023

	t-1	t	1D	1W	1M
	13/03/2023	14/03/2023	15/03/2023	21/03/2023	11/04/2023
Y tế	0.57%	0.00%	0.28%	-0.58%	10.02%
Dầu khí	2.83%	0.00%	2.11%	-5.41%	17.03%
Bán lẻ	1.97%	0.00%	2.19%	-0.63%	14.84%
Bảo hiểm	1.17%	0.00%	0.43%	0.20%	12.92%
Bất động sản	0.99%	0.00%	2.07%	0.89%	17.79%
Du lịch và giải trí	-0.76%	0.00%	2.44%	0.60%	8.50%
Truyền thông	0.07%	0.00%	0.23%	-0.07%	27.45%
Xây dựng và Vật liệu	1.55%	0.00%	1.95%	-0.37%	8.03%
Viễn thông	0.98%	0.00%	1.64%	-0.65%	23.05%
Thực phẩm và đồ uống	0.41%	0.00%	0.80%	-2.43%	7.24%
Tài nguyên cơ bản	2.92%	0.00%	3.62%	0.49%	-3.76%
Ngân hàng	1.25%	0.00%	2.20%	-1.06%	10.30%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.65%	0.00%	1.00%	0.17%	9.72%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.58%	0.00%	1.10%	-0.82%	12.94%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.21%	0.00%	0.31%	-1.52%	11.86%
Dịch vụ tài chính	2.35%	0.00%	5.56%	3.11%	28.68%
Công nghệ Thông tin	0.51%	0.00%	2.36%	-0.31%	8.59%
Hóa chất	2.56%	0.00%	3.16%	0.11%	23.70%
Ô tô và phụ tùng	1.61%	0.00%	1.60%	1.47%	-8.02%
Trung bình	1.18%	0.00%	1.85%	-0.36%	12.68%

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Bảng 04: Diễn biến các ngành trong lần hạ LSDH 1% ngày 30/09/2020

	t-1	t	1D	1W	1M	3M	6M
	29/09/2020	30/09/2020	01/10/2020	07/10/2020	28/10/2020	23/12/2020	17/03/2021
Y tế	-0.55%	0.00%	0.10%	-0.19%	-1.84%	6.70%	12.88%
Dầu khí	0.80%	0.00%	0.98%	0.09%	-5.24%	16.30%	53.34%
Bán lẻ	-0.54%	0.00%	0.59%	2.91%	1.03%	16.80%	38.81%
Bảo hiểm	-0.86%	0.00%	0.58%	2.06%	2.03%	18.47%	22.20%
Bất động sản	-0.21%	0.00%	1.18%	1.53%	2.95%	19.88%	38.76%
Du lịch và giải trí	-0.19%	0.00%	1.18%	0.00%	-3.25%	10.14%	19.58%
Truyền thông	0.59%	0.00%	-0.56%	-0.69%	-7.61%	-7.46%	27.33%
Xây dựng và Vật liệu	-1.45%	0.00%	0.51%	0.63%	-2.59%	15.93%	31.30%
Viễn thông	-1.19%	0.00%	2.85%	1.49%	0.36%	23.86%	56.62%
Thực phẩm và đồ uống	0.13%	0.00%	0.50%	2.43%	4.49%	13.00%	12.22%
Tài nguyên cơ bản	-0.47%	0.00%	1.37%	3.75%	9.36%	40.46%	65.23%
Ngân hàng	-0.05%	0.00%	0.83%	1.19%	0.78%	22.11%	37.28%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.43%	0.00%	1.36%	0.14%	-2.86%	16.64%	16.55%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.63%	0.00%	0.81%	2.10%	2.65%	20.63%	56.91%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.03%	0.00%	0.94%	2.80%	-0.22%	16.35%	25.52%
Dịch vụ tài chính	-0.58%	0.00%	3.43%	5.79%	1.93%	47.54%	78.32%
Công nghệ Thông tin	0.31%	0.00%	1.28%	0.68%	0.02%	12.78%	54.46%
Hóa chất	-1.29%	0.00%	-0.11%	1.10%	2.80%	66.22%	86.00%
Ô tô và phụ tùng	-1.23%	0.00%	0.00%	0.48%	-6.09%	2.70%	20.25%
Trung bình	-0.36%	0.00%	0.94%	1.49%	-0.07%	19.95%	39.66%

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Nếu SBV tiếp tục hạ lãi suất điều hành...?

2. Lý do nền kinh tế cần CSTT nới lỏng ở thời điểm hiện tại

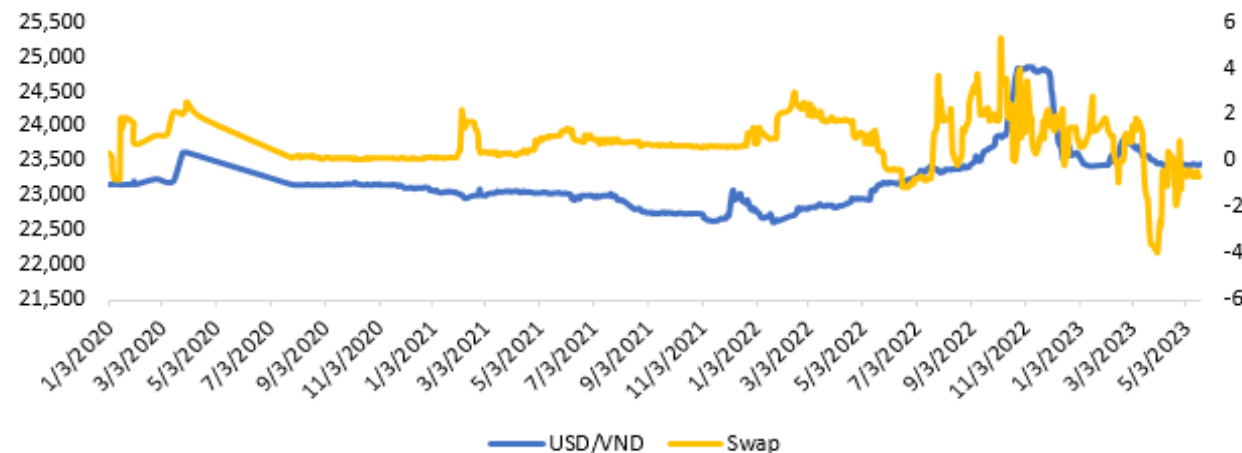
• Lý do:

- Tháng 4/2023, CPI Việt Nam +2.81% YoY, CPI lõi +4.56% YoY, cả hai đã đạt đỉnh từ tháng 1/2023 và vẫn duy trì đà đi xuống cho đến hiện tại.
 - Tốc độ tăng trưởng GDP quý 1/2023 chỉ +3.32% YoY, thấp hơn các quý 1 trong giai đoạn 2019 – 2022.
 - Hoạt động sản xuất đình trệ: Chỉ số PMI tháng 4/2023 đạt 46.7, liên tục ở dưới ngưỡng 50 kể từ tháng 11/2022 (ngoại trừ tháng 2/2023 đạt 51.2 khi hoạt động sản xuất trở lại sau Tết). Chỉ số IIP 4T2023 -1.76% YoY. Tăng trưởng sản xuất kinh doanh yếu đi trong năm 2023 chủ yếu đến từ khu vực xuất khẩu đình trệ khi cầu thế giới suy giảm.
 - Tỷ giá USD/VND ở mức ổn định. Tính đến 30/4/2023, tỷ giá VND/USD +2.14% YoY, giảm từ mức đỉnh 5.21% hồi tháng 1/2023
- => Tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp và lạm phát dần ổn định là dấu hiệu cho CSTT hướng về tăng trưởng kinh tế.

• Tác động:

- Doanh nghiệp: Việc hạ lãi suất điều hành tạo điều kiện cho mặt bằng lãi suất hạ xuống khiến chi phí sử dụng dòng vốn thấp, từ đó, cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Người tiêu dùng: Người dân có thể quyết định tiêu dùng nhiều hơn chi phí vay vốn thấp. Hiện tượng này sẽ kích thích tăng trưởng kinh tế và làm gia tăng khối lượng đơn hàng cho doanh nghiệp.
- Tỷ giá: Hiện tại, swap giữa VND và USD vẫn đang ở mức âm, tuy nhiên đã thu hẹp đáng kể so với giai đoạn trước. Như vậy, rủi ro dòng vốn ngoại nóng chảy ra khỏi nền kinh tế khi lãi suất USD cao hơn cũng giảm đi so với giai đoạn trước.

Đồ thị 02: Tỷ giá USD/VND và mức Swap



*Chú thích: Swap= Lãi suất qua đêm VND – Lãi suất qua đêm USD

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

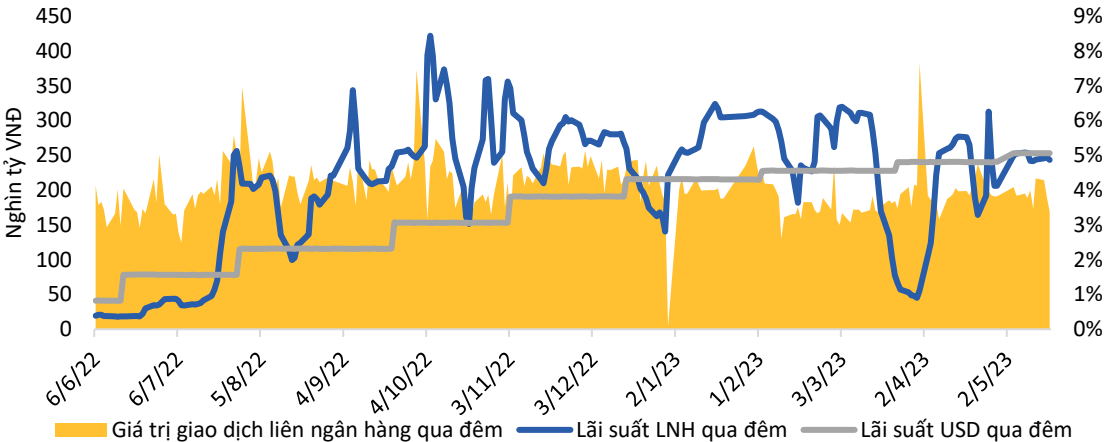
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 13	27/3/2023	31/3/2023	0.00	0.00	0.00
Tuần 14	3/4/2023	7/4/2023	0.00	4,398.93	4,398.93
Tuần 15	10/4/2023	14/4/2023	986.48	66,781.34	65,794.86
Tuần 16	17/4/2023	21/4/2023	29,591.92	7,285.88	-22,306.04
Tuần 17	24/4/2023	28/4/2023	6,819.29	23,920.82	17,101.53
Tuần 18	1/5/2023	5/5/2023	4,398.93	1,757.18	-2,641.75
Tuần 19	8/5/2023	12/5/2023	60,572.26	5,814.01	-54,758.25
Tuần 20	15/5/2023	19/5/2023	7,103.55	20,000.00	12,896.45

Nguồn: BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	4.91%	4.98%	5.05%	5.37%	6.22%	7.44%	8.78%
So với tuần trước	-0.03%	-0.03%	0.14%	-0.23%	-0.34%	-0.85%	0.20%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	190,994.00	11,561	5,230	344	4,754	271	15
So với tuần trước	-1.93%	-34.75%	-10.36%	-83.80%	109.98%	35.94%	448%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 17/05/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 20, 0 giá trị tín phiếu được phát hành. Đồng thời, SBV cũng không thực hiện mua giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã bơm ròng 12.9 nghìn tỷ đồng.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 4.91%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 191 nghìn tỷ VNĐ

PTKT VN-INDEX: VN-Index tích lũy trên các đường SMA, biên độ giao động lớn dần

Đồ thị ngày: Vượt qua kênh giá giảm kể từ tháng 2/2023 và dải bollinger band trên, áp lực bán mạnh tại 1,075 điểm vẫn khiến VN-Index lùi bước. 4/5 cây nến tuần có bóng nến rộng, lực cầu bắt đáy tốt ở vùng giá dưới cho thấy trạng thái giằng co vẫn đang chi phối thị trường. VN-Index duy trì trên các đường trung bình động SMA20, 50 và 100 (tập trung khoảng khoảng 1,050 -1,055 điểm). Các chỉ báo kỹ thuật duy trì và chưa có tín hiệu phân kỳ rõ rệt.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI đi ngang ở mức 59 điểm.
- MACD vượt trên đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản tăng 10% so tuần trước.
- VN-Index duy trì trên SMA20, 50 và SMA100.

Nhận định: VN-Index có dấu hiệu mất đà khi tiến về gần vùng đỉnh cũ và cũng là giá mục tiêu của mô hình chữ V. Hoạt động chốt lãi mạnh tại kênh giá trên của vùng tích lũy đã kéo chỉ số về gần mức quân bình trong vùng tích lũy giá $1,050 \pm 30$ điểm như đề cập trong tuần trước. Dù vậy hoạt động giao dịch vẫn đang khá cân bằng và trạng thái này có thể thay đổi khi các thông tin hỗ trợ xuất hiện. VN-Index vẫn cần những phiên xác nhận vượt kháng cự tuy nhiên chỉ số được dự báo tiếp tục giằng co từ 1,050 – 1,080 điểm trong tuần tới.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: Quan điểm của các quan chức Fed xen lẫn giữa điều hâu và bồ câu

VIỆT NAM:

- Chính phủ: trong đề xuất mới nhất, sẽ có một số nhóm hàng hoá, dịch vụ không được giảm thuế VAT 2%: viễn thông, CNTT, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh BĐS, kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất và các mặt hàng chịu thuế TTĐB.
- Thủ tướng: ký Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII). Theo đó, đến năm 2050, tỷ lệ NLTT có thể lên tới 71.5%.
- Dự thảo Luật Các Tổ chức tín dụng (sửa đổi) sẽ được trình Quốc hội cho ý kiến lần đầu vào kỳ họp thứ 5, dự kiến kéo dài từ 22/5 đến 23/6. Tại lần sửa đổi này, Dự thảo Luật đã bổ sung thêm 1 chương quy định về xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm, nhằm luật hoá Nghị quyết 42 về xử lý nợ xấu.
- Bộ Tài chính đề xuất lộ trình tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá và rượu, bia. Cụ thể, trong dự thảo, Bộ Tài chính đề xuất nghiên cứu bổ sung áp dụng thuế tuyệt đối, áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối đối với mặt hàng thuốc lá.
- NHNN: vừa gửi thông tin liên quan đến điều hành chính sách tiền tệ và lãi suất, trong đó cơ quan quản lý đã đưa ra các lý giải về nguyên nhân của lãi suất cho vay hiện vẫn cao do đâu.
- NHNN: bắt đầu bơm trả gần 111,000 tỷ đồng cho hệ thống ngân hàng từ đầu tuần này khi các lô tín phiếu kỳ hạn 91 ngày phát hành từ trung tuần tháng 2 lần lượt đáo hạn.
- Bộ Tài chính: tiếp tục đề xuất đánh thuế tiêu thụ đặc biệt với nước giải khát có đường, nước dinh dưỡng và một số sản phẩm khác, trừ sữa.
- Bộ Công thương: việc tăng giá điện bình quân thêm 3% đã được tính toán kỹ, điều chỉnh căn cứ theo Quyết định 24 của Chính phủ. Đây là mức tăng thấp nhất của Quyết định 24. Các đơn vị liên quan đã tính toán nhiều yếu tố, trong đó không ảnh hưởng đến kinh tế vĩ mô.
- Bộ Giao thông Vận tải kiến nghị Chính phủ bố trí 10,340 tỷ đồng mua lại 5 dự án BOT và mua một phần của 3 dự án đang gặp vướng mắc, thua lỗ.

THẾ GIỚI:

- FED: các bài phát biểu của các quan chức xen lẫn giữa điều hâu và bồ câu.
- Quan chức FED: lạm phát quá cao, hiệu quả của một số biện pháp bắt đầu chậm lại. Tuy nhiên, một năm là không đủ để cảm nhận toàn bộ tác động của các đợt tăng lãi suất.
- Hoa Kỳ: số lượng đơn xin trợ cấp thất nghiệp ban đầu giảm xuống còn 242,000 trong tuần kết thúc vào ngày 13/05, thấp hơn mức 254,000 dự kiến và giá trị trước đó là 264,000.
- Hoa Kỳ: đơn thể chấp bằng MBA tuần trước giảm -5.7%, con số trước đó là +6.3%.
- Hoa Kỳ: doanh số bán lẻ tháng 4 tăng 0.4% so với tháng trước, thấp hơn mức dự báo 0.8%.
- Eurozone: GDP sơ bộ quý 1 +0.1% QoQ, +1.3% YoY, GDP không có thay đổi nào so với các ước tính ban đầu vì nền kinh tế khu vực đồng euro được dự đoán sẽ tăng trưởng nhẹ trong quý 1.
- EU: họp cấp bộ trưởng tài chính và không đạt được thỏa thuận về vòng trừng phạt thứ 11 đối với Nga.
- Eurozone: CPI tháng 4 +7.0% YoY, con số trước đó là 6.9%. CPI lõi +5.6% YoY.
- ECB: đang nghiên cứu xem có nên phát hành đồng euro kỹ thuật số hay không, giới hạn 3.000 euro đang được cân nhắc như một giải pháp thay thế tiền mặt, nhưng không phải là nơi để giữ tài sản lưu động.
- Phó chủ tịch ECB: lạm phát ngành dịch vụ là điều đáng lo ngại nhất. Điều này khẳng định lại quan điểm của ECB hiện tại, chắc chắn sẽ có ít nhất 1 lần tăng lãi suất nữa nhưng những gì xảy ra sau đó có thể vẫn có một chút thay đổi theo dữ liệu vĩ mô những tháng tới.
- Trung Quốc: giá nhà mới +0.4% MoM, 62/70 thành phố ghi nhận mức giá nhà cao hơn tháng trước và cùng kỳ năm ngoái.
- Nga: GDP của nước này đã giảm khoảng 1.9% trong quý 1/2023. Mức sụt giảm GDP ít hơn so với dự kiến, cho thấy nền kinh tế đã vượt qua giai đoạn khó khăn và bắt đầu tăng trưởng.
- Nhật Bản: lạm phát quốc gia tăng trở lại vào tháng 4 và CPI cơ bản không bao gồm thực phẩm tươi sống và năng lượng đạt 4.1%, mức cao nhất kể từ những năm 1980.

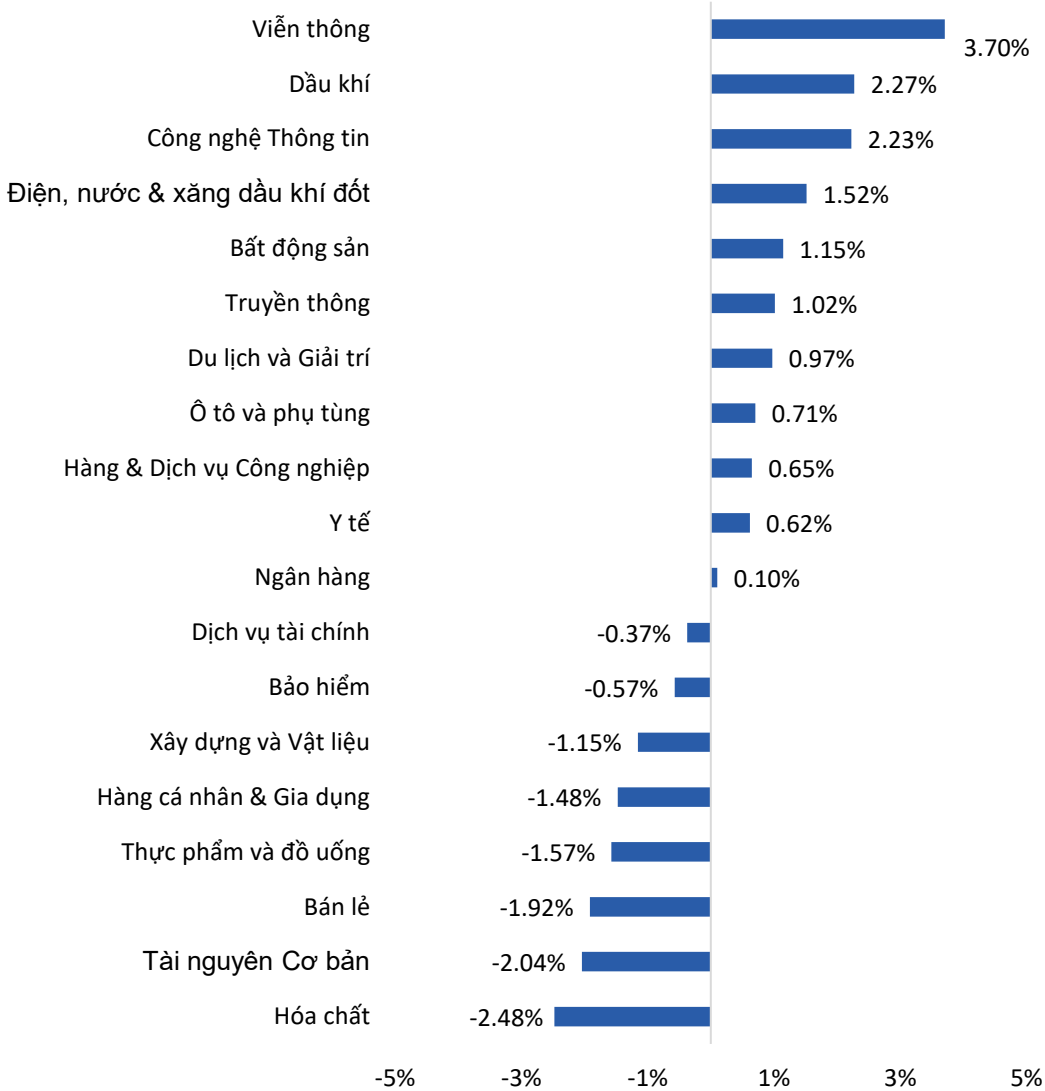
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Thông tin điều hành chính sách tiền tệ của NHNN;
- Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV từ ngày 22/5 đến 23/6;
- 22/5, Chỉ số niềm tin tiêu dùng EU. 23/5, Cán cân vãng lai EU; PMI sản xuất, dịch vụ và Doanh thu nhà xây dựng mới Hoa Kỳ. 24/5, Lãi suất và biên bản tiền tệ NHTW New Zealand, CPI Anh; MPI Anh, EU; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Viễn thông	0.00%	3.70%	16.67%	VGI	-2.22%	FOX	-0.86%
Dầu khí	2.22%	2.27%	6.42%	PLX	0.13%	GAS	2.59%
Công nghệ Thông tin	-0.16%	2.23%	4.03%	FPT	2.86%	CMG	-1.21%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.40%	1.52%	2.31%	REE	2.13%	POW	0.75%
Bất động sản	-0.66%	1.15%	3.01%	VHM	5.66%	KDH	-2.81%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	72.76	1.25%	3.88%	-8.18%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	76.81	1.25%	3.56%	-7.22%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	258.72	0.74%	6.46%	-0.99%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,963.97	0.33%	-2.33%	-1.55%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	23.62	0.56%	-1.44%	-6.60%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,340.75	0.56%	-3.54%	-9.33%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	618.00	1.02%	-2.68%	-10.79%		AFX
Sữa	USD/cwt	15.84	-0.50%	-4.41%	-11.41%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	212.70	0.33%	1.82%	1.33%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	25.93	1.25%	-1.11%	8.72%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	189.70	1.63%	3.75%	-5.22%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8,172.50	-1.56%	0.11%	-9.43%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3,655.00	-1.08%	0.08%	-6.66%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,283.50	-0.57%	3.28%	-4.28%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	735.50	-1.47%	2.80%	-5.22%		HPG
Than đá	USD/MT	154.00	-6.64%	-5.14%	-19.48%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	531.91	-0.39%	-0.60%	-8.58%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
VHM	5.66%	3.16
VCB	1.51%	1.66
GAS	2.59%	1.15
VIC	1.55%	0.76
FPT	2.86%	0.63
STB	3.92%	0.50
VIB	4.39%	0.47
TCB	1.19%	0.31
VJC	1.54%	0.20
OCB	3.03%	0.17

Tổng 9.02

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
HPG	-2.46%	-0.80
BID	-1.33%	-0.76
VPB	-2.28%	-0.76
MSN	-2.69%	-0.71
GVR	-3.27%	-0.55
SSB	-3.39%	-0.54
VNM	-1.44%	-0.52
SAB	-1.95%	-0.51
CTG	-1.41%	-0.48
BVH	-3.70%	-0.32

Tổng -5.95

Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
STG	1,284.90	
HPG	396.84	24.36
VHM	289.93	24.31
VRE	138.94	33.16
VIC	128.91	12.82
PVD	72.42	21.56
VND	71.13	
POW	67.90	7.74
KDH	58.07	36.81
DTD	36.38	2.54

Tổng 2,545.42

Khối ngoại bán ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
VNM	-298.23	55.41
CTG	-252.42	27.69
STB	-168.41	25.83
SHB	-144.89	6.47
VPB	-102.28	17.53
KBC	-75.55	19.39
DCM	-62.60	9.82
DPM	-60.10	16.83
NVL	-56.37	6.12
SSI	-54.87	

Tổng -1275.72

Vận động cổ phiếu VN30

VHM	101.8185	106.0228	19.69%
POW	108.4645	100.2189	8.43%
KDH	105.8922	102.8338	4.80%
BVH	97.18009	97.20886	-10.41%
TPB	107.5753	101.0198	8.42%
MBB	100.3298	100.481	0.27%
TCB	103.5309	101.8091	4.40%
HDB	107.1372	100.8409	9.60%
GVR	103.8839	104.3946	12.85%
SSI	109.7902	102.253	11.98%
VPB	107.9737	101.6183	8.43%
PDR	82.60318	133.6676	28.37%
NVL	67.63001	144.6422	2.72%
MWG	90.67627	102.6069	-6.13%
PLX	106.1239	96.7266	-2.72%
VIB	102.6285	98.37249	3.79%
FPT	100.2197	98.72238	0.00%
VRE	101.0524	99.0187	-5.41%
BID	105.1709	95.05177	-2.74%
CTG	101.4647	96.17459	-0.88%
HPG	107.0525	99.32569	0.93%
ACB	102.7532	97.38315	-0.80%
VCB	103.8042	95.69603	1.29%
STB	108.8242	96.91096	9.86%
VJC	95.57218	99.40367	-3.71%
VNM	93.79706	96.56088	-10.79%
SAB	96.25392	96.14608	-16.08%
MSN	86.85933	95.34358	-10.06%
VIC	93.45336	99.80662	-0.38%
GAS	92.8582	96.5185	-9.71%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực

JdK RS-Momentum

Tiêu
cực

JdK RS-Ratio

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

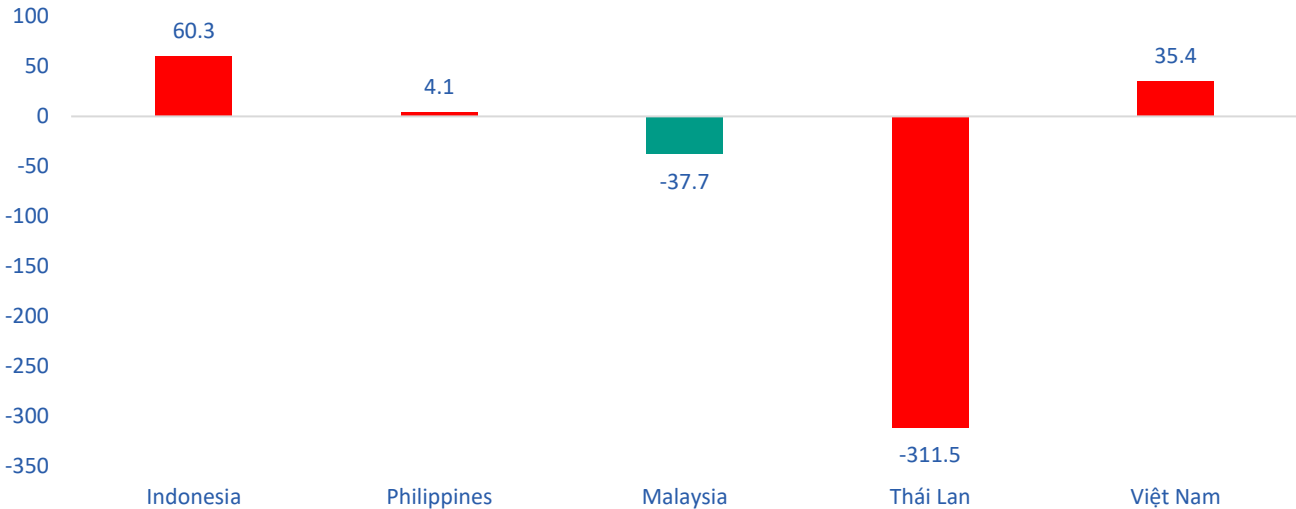
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

CHUYÊN MỤC TUẦN: Diễn biến dòng tiền

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	(249.4)	(685.9)	(218.2)	(2,140.9)
Indonesia	60.3	-129.3	698.9	1144.3
Philippines	4.1	-50.9	-16.6	-534.9
Malaysia	-37.7	-52.6	-108.7	-531.6
Thái Lan	-311.5	-462	-692.9	-2338.5
Việt Nam	35.4	8.9	-98.9	119.8
Các nước	4,171.5	5,562.5	5,551.4	16,509.5
Hàn Quốc	1101.5	1173	1789	7258.6
Đài Loan	2316.4	1404.6	-1148.3	6821.9
Ấn Độ	753.7	2985.2	4908.2	2425.7
Sri Lanka	-0.1	-0.3	2.5	3.3



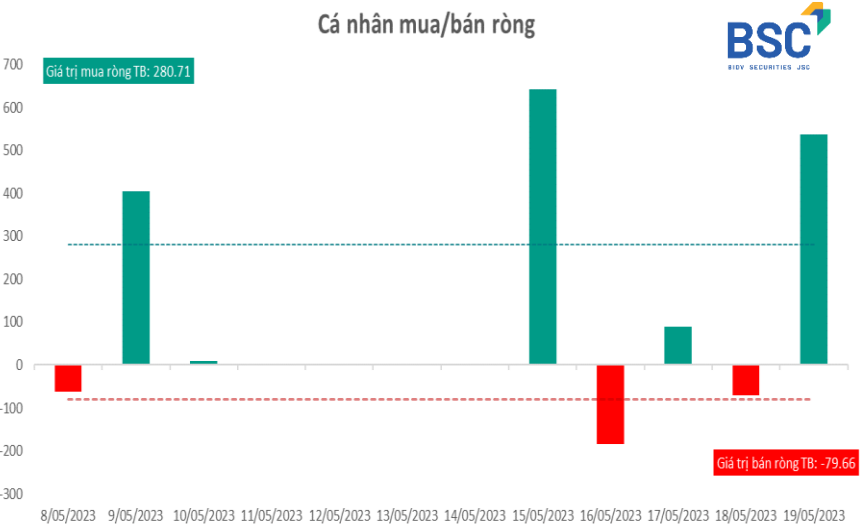
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

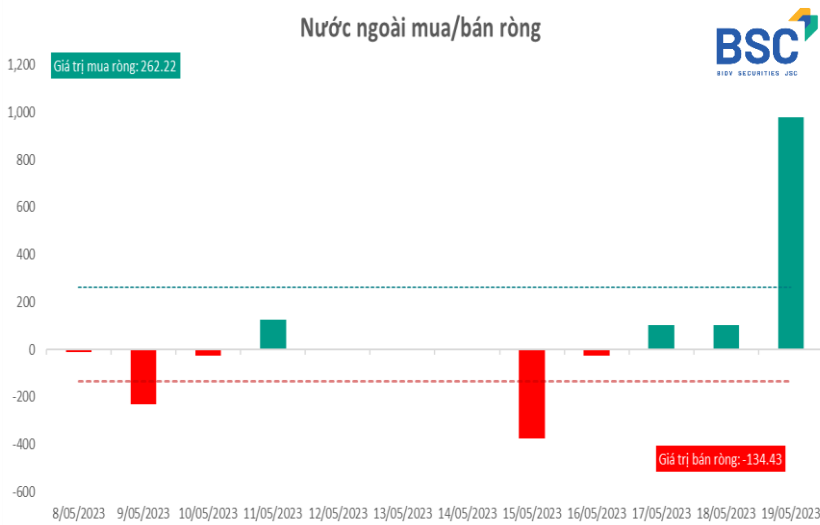
	Jan-23				Feb-23				Mar-23				Apr-23				May-23				Tổng
	W1	W2	W3	W4	W5	W6	W7	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17	W18	W19	W20	
	79.18	61.48	94.85	13.93	65.02	15.39	4.01	(9.31)	(5.97)	7.24	16.43	30.15	16.53	3.86	(5.40)	(0.51)	(30.73)	(31.16)	(16.97)	(5.24)	(257.23)
ETF ngoại	71.96	40.89	77.56	10.65	46.77	15.39	(1.69)	(7.95)	5.38	8.24	24.01	35.68	20.38	4.16	0.89	0.10	(23.28)	(31.16)	(8.27)	-	16.80
Fubon	1.48	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	17.81	32.21	14.88	(0.94)	0.18	3.86	0.73	0.36	1.10	0.00	107.97
VNM	19.48	30.72	35.29	0.00	3.11	0.00	0.59	0.00	1.15	4.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.85)	(4.82)	(18.46)	(1.20)	(4.26)	0.00	(76.83)
FTSE	6.31	2.40	14.58	-	4.33	8.90	10.47	0.90	4.23	4.24	-	(3.89)	0.52	-	2.56	1.06	0.77	0.00	0.00	0.00	57.38
iShare	44.69	7.77	27.69	10.65	39.33	6.49	(12.75)	(8.85)	-	-	6.20	7.36	4.98	5.10	0.00	0.00	(6.32)	(30.32)	(5.11)	0.00	(71.72)
ETF nội	7.22	20.59	17.29	3.28	18.25	-	5.70	(1.36)	(11.35)	(1.00)	(7.58)	(5.53)	(3.85)	(0.30)	(6.29)	(0.61)	(7.45)	-	(8.70)	(5.24)	(274.03)
Diamond	3.44	8.34	3.90	1.24	14.87	-	-	-	(5.89)	(1.10)	(2.74)	(3.00)	(3.00)	(0.10)	(6.16)	(0.29)	(5.00)	-	(1.89)	(3.14)	(62.89)
E1	1.60	7.97	13.39	2.04	3.38	-	5.70	(1.55)	(4.07)	0.82	(4.06)	(1.10)	0.50	(0.55)	0.08	0.08	(1.51)	-	(6.88)	(2.10)	(213.30)
Finlead	2.18	4.28	-	-	-	-	-	0.19	(1.39)	(0.72)	(0.78)	(1.43)	(1.35)	0.35	(0.21)	(0.40)	(0.94)	-	0.07	-	2.16

CHUYÊN MỤC TUẦN: Diễn biến dòng tiền

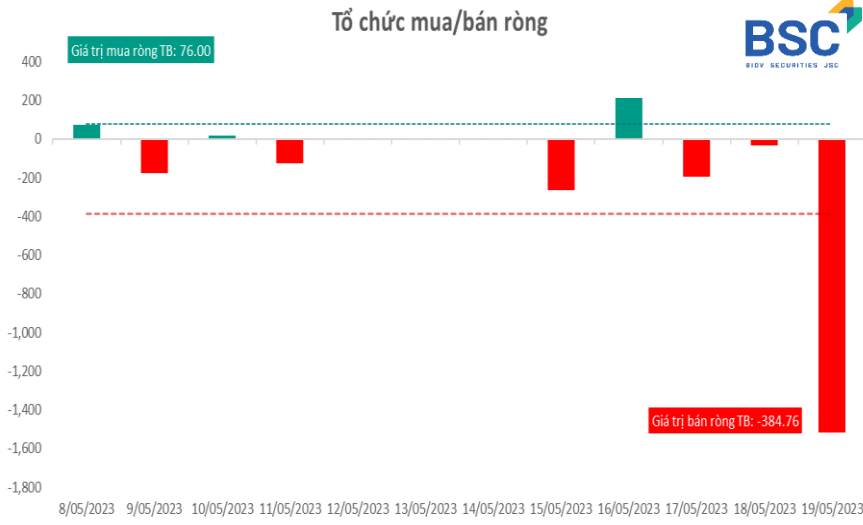
Cá nhân mua/bán ròng



Nước ngoài mua/bán ròng



Tổ chức mua/bán ròng



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
E1VFN30	9,205,100	168	STB	2,889,900	-79.12	STG	24,465,086	1,285	VNM	6,750,000	-466.08	DIG	126,584,300	2,584	DIG	125,486,616	-2,561
STB	3,953,200	108	HPG	3,503,201	-77.28	HPG	22,946,000	505	STB	10,812,300	-295.59	STB	86,278,145	2,360	SSI	98,941,619	-2,265
HPG	4,535,900	100	VPB	3,495,801	-68.43	VHM	6,475,800	347	CTG	10,184,000	-285.66	SSI	95,744,810	2,193	STB	82,511,353	-2,257
FUEVFN30	4,110,100	92	MBB	3,070,100	-57.41	TCB	8,019,433	253	TCB	8,019,433	-253.34	VND	133,627,242	2,115	VND	136,625,395	-2,162
SSI	3,323,700	76	VHM	1,043,600	-55.47	FPT	2,332,274	204	MSB	16,230,400	-210.28	SHB	138,190,951	1,601	HPG	85,456,286	-1,883
VCB	690,400	64	FPT	648,700	-53.09	MSB	15,676,100	204	VCB	2,219,100	-206.57	HDB	72,338,806	1,418	SHB	126,490,505	-1,465
FPT	761,100	62	MWG	962,201	-36.87	VRE	6,476,500	182	FPT	2,341,274	-204.71	HPG	63,960,786	1,410	DXG	86,283,416	-1,231
MBB	3,102,000	58	TCB	1,223,501	-36.35	GMD	3,548,900	178	E1VFN30	9,135,100	-166.31	GEX	93,909,117	1,302	VIX	109,398,100	-1,083
VNM	762,300	53	ACB	944,100	-23.63	VCB	1,863,700	174	KBC	5,803,100	-156.69	DXG	90,205,756	1,287	KBC	39,350,324	-1,064
CTG	1,503,600	43	DGC	400,200	-20.39	VNM	2,425,400	168	SHB	13,296,300	-153.91	KBC	41,499,990	1,121	GEX	70,814,480	-1,002

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	94.2	-0.84%	0.87	19,382.74	1.79	7,311.00	12.88	105,000	23.59%	Link
BID	Ngân hàng	44.4	-0.56%	1.01	9,765.15	1.17	4,208.00	10.55	54,578	17.28%	Link
VPB	Ngân hàng	19.3	0.26%	1.15	5,633.25	5.53	3,972.00	4.86	23,685	28.09%	Link
TCB	Ngân hàng	29.65	0.34%	1.37	4,534.18	4.35	14,982.00	1.98		17.64%	Link
MBB	Ngân hàng	18.65	0.27%	1.42	3,676.47	3.07	14,982.00	1.24	24,400	17.64%	Link
STB	Ngân hàng	27.85	2.39%	1.30	2,282.75	29.18	4,640.00	6.00	31,200	30.00%	Link
GVR	BĐS KCN	16.25	2.52%	1.10	2,826.09	1.74	4,603.00	3.53	19,100	23.23%	Link
KBC	BĐS KCN	27	2.08%	1.68	901.10	9.19	4,880.00	5.53	29,800	29.17%	Link
IDC	BĐS KCN	38.8	0.78%	1.69	556.70	2.87			52,400	42.84%	Link
VGC	BĐS KCN	37.2	0.95%	1.60	725.16	1.26	1,217.00	30.57		0.55%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	21.8	-0.68%	1.00	5,511.41	10.94	1,916.00	11.38	25,000	23.42%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	54.1	-1.64%	0.87	10,242.23	4.35	1,896.00	28.53	68,300	10.63%	Link
VRE	BĐS	28	-0.36%	1.16	2,766.30	3.50	5,227.00	5.36	36,200	23.92%	Link
KDH	BĐS	29.45	0.51%	0.40	917.85	1.45	1,576.00	18.69	37,700	32.47%	Link
NLG	BĐS	32	0.63%	1.52	534.37	1.36	2,557.00	12.51	38,100	44.94%	Link
DGC	Phân bón	50.2	-0.40%	1.50	828.91	3.81	14,120.00	3.56	60,500	18.41%	Link
DPM	Dầu khí	32.15	-1.98%	1.32	547.02	3.62	6,793.00	4.73	42,000	3.01%	Link
DCM	Dầu khí	23.55	-1.46%	0.80	542.06	3.74	2,625.00	8.97	29,000	18.11%	Link
GAS	Dầu khí	94.9	2.04%	0.78	7,897.12	3.54	2,292.00	41.40	122,300	41.13%	Link
PLX	Dầu khí	37.6	0.40%	1.10	2,077.14	1.03	1,340.00	28.06	45,000	20.38%	Link
PVS	Dầu khí	28.3	6.39%	1.33	588.11	19.31	993.00	28.50	33,000	6.25%	Link
PVD	Dầu khí	23.45	4.69%	1.55	566.76	11.94	7,698.00	3.05	26,000	49.00%	Link
POW	Tiện ích	13.5	0.75%	1.17	1,374.58	6.57	3,895.00	3.47	14,500	55.81%	Link
VNM	Bán lẻ	68.6	-0.87%	1.20	6,233.52	3.60	2,605.00	26.33	84,500	30.59%	Link
MSN	Bán lẻ	72.4	-1.09%	1.09	4,481.64	2.39	3,456.00	20.95	96,000	49.00%	Link
MWG	Bán lẻ	38.3	0.52%	1.26	2,436.84	2.71	7,475.00	5.12	55,200	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	72.5	-1.36%	0.73	1,033.91	1.04	2,965.00	24.45	95,000	29.02%	Link
VHC	Thủy sản	57.7	-0.17%	1.19	460.04	1.03	12,800.00	4.51	67,500	30.47%	Link
GMD	Logistics	50.4	-1.37%	0.68	660.41	0.50	7,059.00	7.14	57,000	48.84%	Link
FPT	Công nghệ	82.8	-0.12%	0.76	3,975.59	3.85	5,901.00	14.03	91,900	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	28	0.90%	1.20	5,850.48	2.52	3,520.27	7.95	1.20	27.69%	16.13%
ACB	Ngân hàng	24.95	-0.20%	1.12	3,663.78	4.33	4,303.77	5.80	1.35	30.00%	26.25%
HDB	Ngân hàng	19.4	0.00%	0.95	2,121.57	1.24	3,148.88	6.16	1.25	19.59%	22.62%
LPB	Ngân hàng	14	0.00%	1.56	1,052.50	3.82	2,732.22	5.12	0.96	4.52%	19.91%
VIB	Ngân hàng	21.4	-0.23%	1.31	1,961.05	4.13	4,162.83	5.14	1.38	20.50%	29.67%
VND	Chứng khoán	16.1	3.87%	2.10	852.47	50.35	489.06	32.92	1.34		4.76%
TPB	Ngân hàng	23.45	0.21%	1.12	1,612.70	1.14	4,030.07	5.82	1.10	30.00%	20.89%
SSI	chứng khoán	22.9	0.44%	1.74	1,492.62	15.65	1,119.93	20.45	1.50		7.91%
CII	Xây dựng	15.05	2.03%	1.80	165.04	2.94	217.60	69.17	0.70	10.06%	1.02%
C4G	Xây dựng	12.9	2.38%	2.08	140.20	1.60	790.73	16.31	1.18	0.00%	8.20%
CTD	Xây dựng	63.3	-1.09%	1.87	203.27	1.58	183.95	344.11	0.57	48.47%	0.16%
HHV	Xây dựng	13.25	1.15%	1.64	177.32	2.39	966.26	13.71	0.56	1.97%	3.89%
LCG	Xây dựng	12	1.26%	2.09	99.36	2.68	780.72	15.43	0.90	3.37%	5.90%
BCM	KCN	77.9	-0.76%	0.93	3,505.50	0.13	1,170.44	66.56	4.75	2.81%	8.07%
HUT	KCN	16.9	1.20%	1.51	256.17	1.02	161.84	104.43	1.52	1.95%	1.44%
PHR	KCN	43.2	4.10%	1.44	254.50	2.24	6,038.56	7.15	1.67	15.24%	24.10%
SZC	KCN	33.1	1.38%	1.85	143.91	1.23	1,323.36	25.01	2.14	3.02%	8.95%
HSG	Vật liệu	15.55	0.65%	2.11	404.34	4.17	(1,753.53)		0.90	16.94%	-9.62%
HT1	Vật liệu	13.8	0.00%	1.48	228.95	0.27	386.12	35.74	1.05	3.34%	2.89%
NKG	Vật liệu	14.6	0.34%	2.25	167.12	2.36	(2,585.96)		0.73	11.94%	-11.84%
PTB	Vật liệu	46.1	0.55%	1.01	136.37	0.16	6,016.80	7.66	1.17	13.81%	19.46%
KSB	Vật liệu	25	0.81%	1.71	82.93	0.91	1,392.77	17.95	0.98	5.18%	5.58%
NVL	BĐS	13.2	-0.75%	0.96	1,119.19	6.94	362.35	36.43	0.69	6.12%	1.93%
DXG	BĐS	14.1	2.17%	2.22	373.98	7.19	(239.59)		0.94	20.44%	-1.63%
HDC	BĐS	34.45	1.92%	1.41	161.89	1.45	3,157.20	10.91	1.99	1.67%	20.89%
DIG	BĐS	20.5	5.94%	2.51	543.56	27.39	261.72	78.33	1.83	5.42%	2.12%
IJC	BĐS	13.95	1.09%	2.14	152.74	1.27	1,661.89	8.39	0.90	5.91%	11.25%
BSR	Dầu khí	16.6	1.84%	1.61	2,237.75	7.25	4,750.00	3.49	1.00	41.13%	33.16%
PVT	Dầu khí	20.6	1.48%	1.30	289.88	3.43	2,740.01	7.52	1.08	16.25%	15.37%
PLC	Săm lốp	33.6	-1.47%	1.84	118.03	0.53	1,355.49	24.79	2.15	1.05%	8.19%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Tiện ích	21	0.00%	1.31	108.46	0.20	2,246.06	9.35	1.33	8.70%	14.36%
REE	Tiện ích	58.7	1.21%	0.80	1,043.11	0.84	6,714.22	8.74	1.51	49.00%	18.57%
GEX	Tiện ích	14.15	1.43%	1.85	523.86	6.15	9.99	1416.98	1.01	11.91%	0.07%
NT2	Tiện ích	31.75	2.75%	0.79	397.39	1.66	3,244.99	9.78	2.00	15.77%	20.92%
HDG	Tiện ích	34.2	0.88%	1.53	363.72	1.59	4,718.16	7.25	1.49	21.34%	22.63%
PC1	Tiện ích	28.8	1.59%	1.32	338.63	2.16	1,257.41	22.90	1.52	8.07%	6.82%
GEG	Tiện ích	16.15	1.89%	1.10	226.06	2.39	955.97	16.89	1.68	46.50%	5.74%
BCG	Dầu khí	8.53	1.31%	2.13	197.85	2.19	220.40	38.70	0.68	1.82%	1.50%
SAB	Bán lẻ	160.7	-0.99%	0.18	4,480.60	0.53	7,649.00	21.01	4.28	62.50%	22.07%
QNS	Bán lẻ	45.6	0.44%	0.51	707.67	0.70	4,226.00	10.79	1.84	19.28%	17.50%
FRT	Bán lẻ	62.3	-0.32%	1.36	320.91	0.82	1,863.00	33.44	3.68	29.53%	11.52%
DGW	Bán lẻ	33.05	0.15%	1.65	240.08	1.00	3,396.50	9.73	2.18	22.33%	24.73%
DBC	Bán lẻ	18	4.93%	2.02	190.44	6.18	(1,339.12)		1.01	5.80%	-7.20%
PET	Bán lẻ	24.25	-0.21%	2.34	104.19	0.47	1,025.57	23.65			4.26%
BAF	Bán lẻ	22.9	1.10%		142.90	2.18	1,408.62	16.26	1.74	0.20%	11.80%
ANV	Thủy sản	32.2	-1.98%	1.62	186.38	2.21	4,368.00	7.37	1.41	6.23%	20.07%
VSC	Logistics	27.7	-0.36%	0.44	146.05	0.09	2,086.56	13.28	1.28	3.01%	9.43%
HAH	Logistics	38.95	-1.14%	1.05	119.13	1.95	9,072.47	4.29	1.14	8.47%	34.36%
CTR	Công nghệ	66.7	1.52%	1.34	331.72	0.40	4,040.07	16.51	4.36	10.82%	29.32%
TNG	Dệt may	19.2	1.05%	1.73	87.75	1.24	2,878.54	6.67	1.24	15.67%	19.35%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisititc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

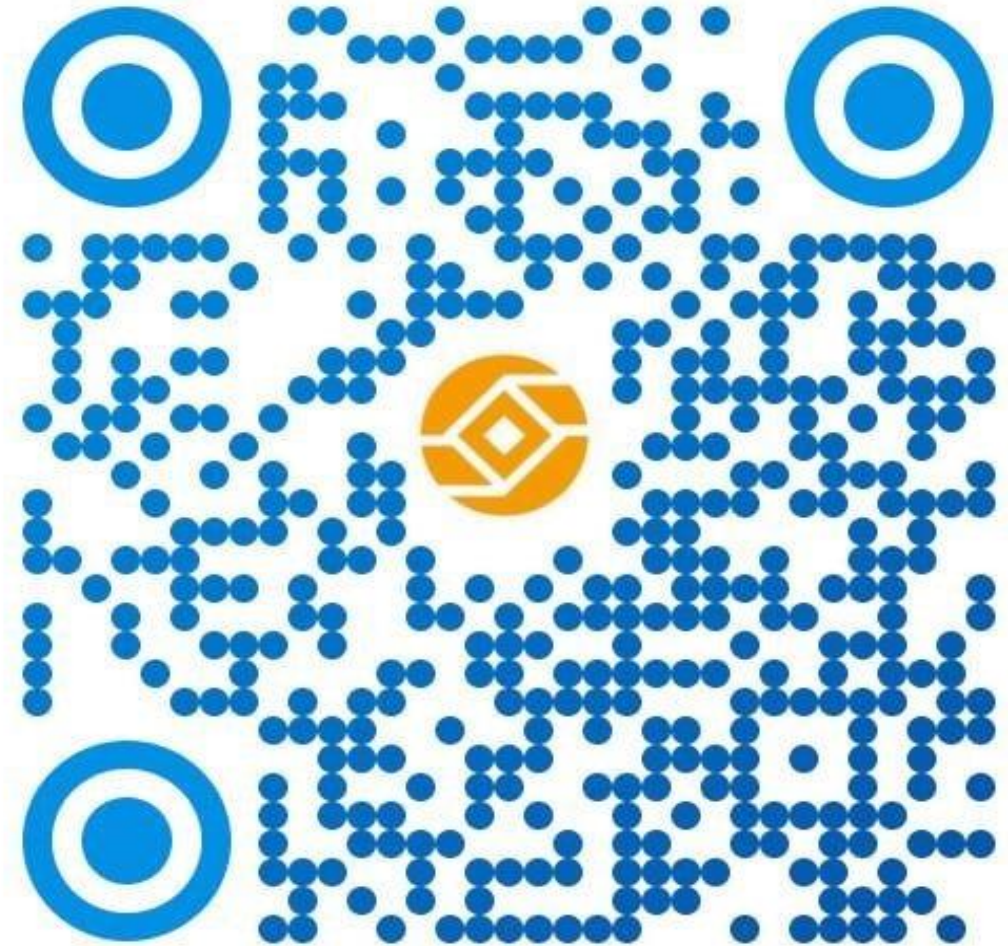
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký